Bộ chỉ số HOSE-Index

Ngày cập nhật: 30/10/2020

HOSE-Index là bộ chỉ số vốn hóa có thể đầu tư được bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên Sở GDCK TP.HCM (HOSE) đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản. HOSE-Index chiếm hơn 90% giá trị giao dịch và hơn 80% giá trị vốn hóa của toàn thị trường chứng khoán niêm yết tại HOSE.

Cấu trúc Bộ chỉ số HOSE-Index

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.
VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.
VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.
VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.
VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.
VNAllshare Sector Indices bao gồm các chỉ số ngành với các cổ phiếu thành phần của chỉ số VNAllShare được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2017 đến 30/10/2020

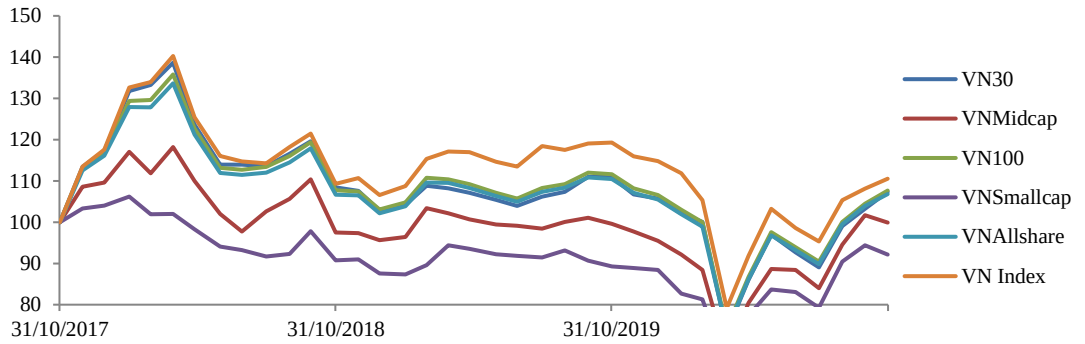

* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2017

Đặc điểm chung

Mục tiêu
Bộ chỉ số được thiết kế với mục đích tham chiếu cho thị trường và làm cơ sở xây dựng các sản phẩm dựa trên chỉ số như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, …

Khả năng đầu tư
Bộ chỉ số được sàng lọc và tính toán dựa trên tỷ lệ tự do chuyển nhượng để đảm bảo khả năng đầu tư được.

Thanh khoản
Các cổ phiếu thành phần được sàng lọc về thanh khoản để đảm bảo chỉ số có thể giao dịch được.

Minh bạch
Bộ chỉ số sử dụng các quy tắc xây dựng và quản lý minh bạch. Quy tắc xây dựng và quản lý Bộ chỉ số HOSE-Index được công bố trên trang chủ của HOSE.

Tần suất tính toán
Bộ chỉ số được tính theo thời gian thực hoặc tại cuối ngày giao dịch.

Xem xét định kỳ
Bán niên vào tháng 1 và tháng 7 hàng năm

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa
10% (VNAllshare Sector không áp dụng)

Phương pháp tính chỉ số
Giá trị vốn hóa điều chỉnh free-float.

Chuẩn phân ngành
Các cổ phiếu thành phần bộ chỉ số được phân ngành theo chuẩn phân ngành Global Industry Classification Standard (GICS®).

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	48.27%	-12.02%	3.32%	2.78%	18.92%	23.88%	-3.30%	6.78%	44.99%	2.21%	7.71%
VN30	53.89%	-12.36%	2.82%	3.96%	20.50%	24.77%	-3.27%	7.33%	44.14%	2.38%	7.59%
VNMidcap	32.38%	-12.78%	-0.10%	-1.77%	18.88%	24.21%	0.30%	-0.12%	34.84%	-0.04%	6.16%
VN100	50.21%	-11.68%	3.35%	3.06%	19.06%	24.12%	-3.56%	7.67%	46.76%	2.49%	7.97%
VNSmallcap	22.54%	-15.81%	0.93%	-2.35%	16.29%	19.14%	3.20%	-7.84%	17.96%	-2.69%	3.36%
VN-Index	46.46%	-9.32%	7.67%	2.24%	15.92%	20.33%	-7.34%	10.53%	52.37%	3.39%	8.79%

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	6.34%	14.19%	22.97%	33.13%	36.59%
VN30	6.94%	14.81%	23.69%	35.23%	39.32%
VNMidcap	6.68%	14.31%	21.34%	31.41%	35.08%
VN100	6.47%	14.38%	22.76%	33.55%	37.14%
VNSmallcap	6.47%	13.49%	19.91%	25.02%	29.27%
VN-Index	6.05%	13.88%	22.37%	33.83%	38.01%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllShare	97.76%	99.22%	97.12%	97.02%	95.68%
VN30	96.55%	98.41%	97.68%	97.16%	95.76%
VNMidcap	74.24%	87.48%	88.66%	84.61%	81.67%
VN100	97.81%	99.22%	98.79%	97.87%	96.39%
VNSmallcap	66.36%	83.67%	84.08%	77.62%	74.52%

Đặc điểm chỉ số

	VNAllshare	VN30	VNMidcap	VN100	VNSmallcap
Số lượng cổ phiếu thành phần	251	30	70	100	151
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,942,539	2,526,939	305,998	2,832,937	109,602
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	1,050,215	844,195	150,191	994,386	55,829
Trung bình	4,184	28,140	2,146	9,944	370
Cao nhất	126,080	126,080	11,171	126,080	3,076
Thấp nhất	13	1,249	337	337	13
Trung vị	547	21,491	1,630	2,438	253
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.01%	14.93%	7.44%	12.68%	5.51%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	55.46%	69.00%	37.32%	58.58%	25.53%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallCap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" và "**VNAllshare Sector**" (gọi chung là "**HOSE-Index**") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VNAllshare

Ngày cập nhật: 30/10/2020

VNAllshare là chỉ số vốn hóa bao gồm các cổ phiếu niêm yết trên HOSE đáp ứng các yêu cầu sàng lọc về tư cách, tỷ lệ tự do chuyển nhượng và thanh khoản.

Đặc điểm chỉ số

Số lượng cổ phiếu thành phần	**251**
Giá trị vốn hóa chưa điều chỉnh (tỷ đồng)	2,942,539
Giá trị vốn hóa điều chỉnh freefloat (tỷ đồng)	1,050,215
Trung bình	4,184
Lớn nhất	126,080
Nhỏ nhất	13
Trung vị	547
Tỷ trọng vốn hóa của CP lớn nhất	12.01%
Tỷ trọng vốn hóa top 10 CP trong rổ	55.46%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VNAllshare:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VNAllshareTRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2017 đến 30/10/2020

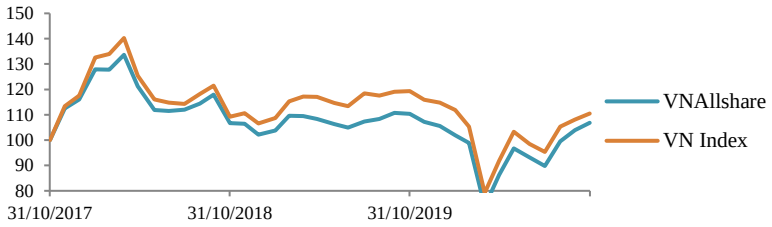

* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2017

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	6.34%	14.19%	22.97%	33.13%	36.59%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	97.76%	99.22%	97.12%	97.02%	95.68%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VNAllshare	48.27%	-12.02%	3.32%	2.78%	18.92%	23.88%	-3.30%	6.78%	44.99%	2.21%	7.71%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành

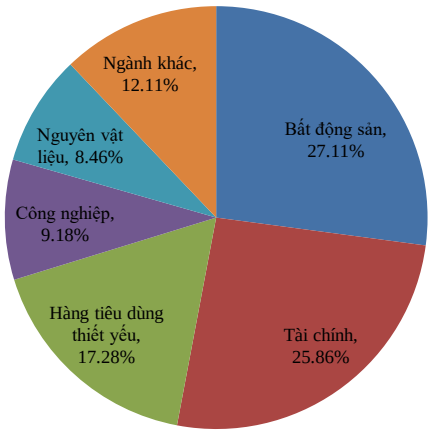

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	126,080	12.01%
2	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	112,841	10.74%
3	VHM	Bất động sản	62,501	5.95%
4	HPG	Nguyên vật liệu	60,732	5.78%
5	TCB	Tài chính	48,573	4.63%
6	VPB	Tài chính	40,272	3.83%
7	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	34,536	3.29%
8	VCB	Tài chính	33,862	3.22%
9	FPT	Công nghệ thông tin	32,297	3.08%
10	MWG	Hàng tiêu dùng	30,802	2.93%
		Tổng cộng	**582,496**	**55.46%**

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	38	284,670	27.11%
Tài chính	23	271,618	25.86%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	22	181,466	17.28%
Công nghiệp	67	96,444	9.18%
Nguyên vật liệu	39	88,836	8.46%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallCap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" và "**VNAllshare Sector**" (gọi chung là "**HOSE-Index**") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VN30

Ngày cập nhật: 30/10/2020

VN30 là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của 30 công ty hàng đầu về vốn hóa thị trường và thanh khoản trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

Số lượng cổ phiếu thành phần	**30**
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,526,939
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	844,195
Trung bình	28,140
Cao nhất	126,080
Thấp nhất	1,249
Trung vị	21,491
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	14.93%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	69.00%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 02/01/2009
Giá trị cơ sở: 313.34
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VN30:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VN30TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2017 đến 30/10/2020

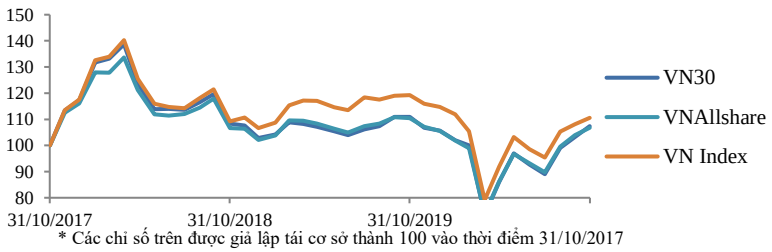

* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2017

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	6.94%	14.81%	23.69%	35.23%	39.32%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN30	96.55%	98.41%	97.68%	97.16%	95.76%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	2018	2019	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm	3 năm	5 năm
VN30	53.89%	-12.36%	2.82%	3.96%	20.50%	24.77%	-3.27%	7.33%	44.14%	2.38%	7.59%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành

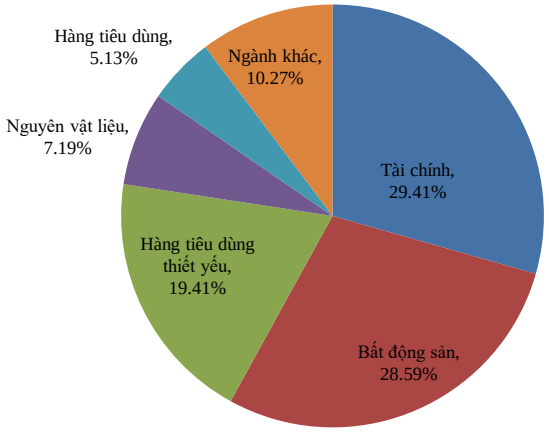

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	126,080	14.93%
2	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	112,841	13.37%
3	VHM	Bất động sản	62,501	7.40%
4	HPG	Nguyên vật liệu	60,732	7.19%
5	TCB	Tài chính	48,573	5.75%
6	VPB	Tài chính	40,272	4.77%
7	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	34,536	4.09%
8	VCB	Tài chính	33,862	4.01%
9	FPT	Công nghệ thông tin	32,297	3.83%
10	MWG	Hàng tiêu dùng	30,802	3.65%
		Tổng cộng	**582,496**	**69.00%**

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Tài chính	10	248,314	29.41%
Bất động sản	5	241,346	28.59%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	4	163,827	19.41%
Nguyên vật liệu	1	60,732	7.19%
Hàng tiêu dùng	2	43,319	5.13%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallCap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" và "**VNAllshare Sector**" (gọi chung là "**HOSE-Index**") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VNMidcap

Ngày cập nhật: 30/10/2020

VNMidcap là chỉ số vốn hóa đo lường mức tăng trưởng của 70 công ty có quy mô vừa trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

Số lượng cổ phiếu thành phần	**70**
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	305,998
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	150,191
Trung bình	2,146
Cao nhất	11,171
Thấp nhất	337
Trung vị	1,630
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	7.44%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	37.32%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VNMidcap:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VNMidcapTRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2017 đến 30/10/2020

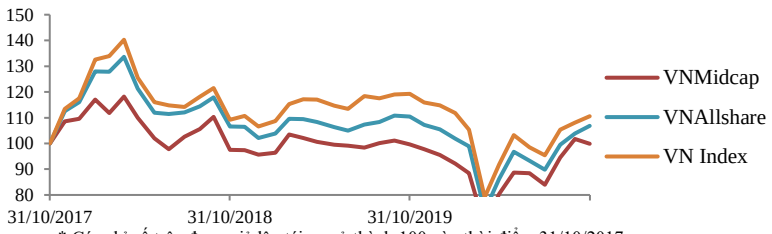

* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2017

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	6.68%	14.31%	21.34%	31.41%	35.08%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNMidcap	74.24%	87.48%	88.66%	84.61%	81.67%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	**2018**	**2019**	**1 tháng**	**3 tháng**	**6 tháng**	**1 năm**	**3 năm**	**5 năm**	**3 năm**	**5 năm**
VNMidcap	32.38%	-12.78%	-0.10%	-1.77%	18.88%	24.21%	0.30%	-0.12%	34.84%	-0.04%	6.16%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành

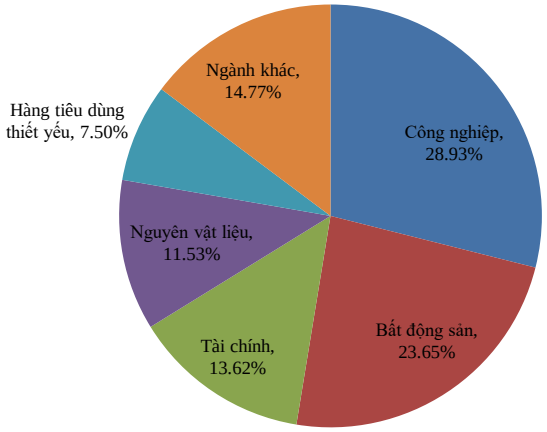

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	TPB	Tài chính	11,171	7.44%
2	GEX	Công nghiệp	6,697	4.46%
3	PDR	Bất động sản	6,072	4.04%
4	GMD	Công nghiệp	5,918	3.94%
5	DXG	Bất động sản	5,066	3.37%
6	HSG	Nguyên vật liệu	4,665	3.11%
7	KBC	Bất động sản	4,554	3.03%
8	NLG	Bất động sản	4,118	2.74%
9	VCI	Tài chính	3,972	2.64%
10	DIG	Công nghiệp	3,818	2.54%
		Tổng cộng	**56,052**	**37.32%**

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	18	43,451	28.93%
Bất động sản	14	35,521	23.65%
Tài chính	6	20,462	13.62%
Nguyên vật liệu	9	17,313	11.53%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5	11,266	7.50%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallCap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" và "**VNAllshare Sector**" (gọi chung là "**HOSE-Index**") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VN100

Ngày cập nhật: 30/10/2020

VN100 là chỉ số vốn hóa kết hợp các cổ phiếu thành phần của VN30 và VNMidcap.

Đặc điểm chỉ số

Số lượng cổ phiếu thành	**100**
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	2,832,937
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	994,386
Trung bình	9,944
Cao nhất	126,080
Thấp nhất	337
Trung vị	2,438
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	12.68%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	58.58%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VN100:** Theo thời gian thực (5giây/ lần)
- **VN100TRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2017 đến 30/10/2020

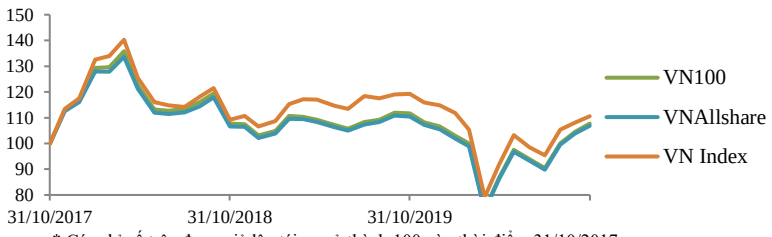

* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2017

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	6.47%	14.38%	22.76%	33.55%	37.14%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VN100	97.81%	99.22%	98.79%	97.87%	96.39%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	**2018**	**2019**	**1 tháng**	**3 tháng**	**6 tháng**	**1 năm**	**3 năm**	**5 năm**	**3 năm**	**5 năm**
VN100	50.21%	-11.68%	3.35%	3.06%	19.06%	24.12%	-3.56%	7.67%	46.76%	2.49%	7.97%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành

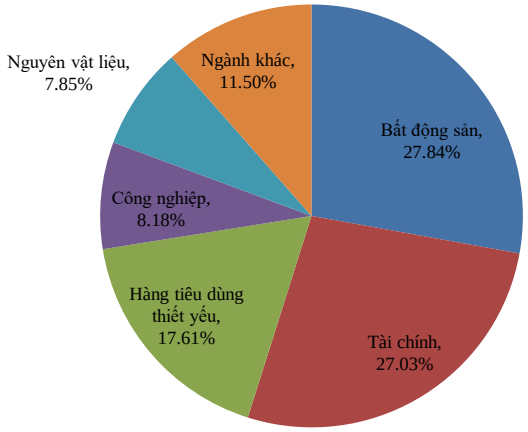

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	VIC	Bất động sản	126,080	12.68%
2	VNM	Hàng tiêu dùng thiết yếu	112,841	11.35%
3	VHM	Bất động sản	62,501	6.29%
4	HPG	Nguyên vật liệu	60,732	6.11%
5	TCB	Tài chính	48,573	4.88%
6	VPB	Tài chính	40,272	4.05%
7	MSN	Hàng tiêu dùng thiết yếu	34,536	3.47%
8	VCB	Tài chính	33,862	3.41%
9	FPT	Công nghệ thông tin	32,297	3.25%
10	MWG	Hàng tiêu dùng	30,802	3.10%
		Tổng cộng	582,496	**58.58%**

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Bất động sản	19	276,866	27.84%
Tài chính	16	268,776	27.03%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	9	175,093	17.61%
Công nghiệp	22	81,296	8.18%
Nguyên vật liệu	10	78,046	7.85%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallCap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" và "**VNAllshare Sector**" (gọi chung là "**HOSE-Index**") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Chỉ số VNSmallcap

Ngày cập nhật: 30/10/2020

VNSmallcap là chỉ số vốn hóa được thiết kế để đo lường mức tăng trưởng của các công ty có quy mô nhỏ trong VNAllshare.

Đặc điểm chỉ số

Số lượng cổ phiếu thành phần	**151**
Giá trị vốn hóa (Tỷ đồng)	109,602
Giá trị vốn hóa có điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	55,829
Trung bình	370
Cao nhất	3,076
Thấp nhất	13
Trung vị	253
Tỷ trọng vốn hóa của công ty lớn nhất trong rổ	5.51%
Tỷ trọng vốn hóa của 10 công ty lớn nhất trong rổ	25.53%

Thông tin cơ bản

Ngày cơ sở: 24/01/2014
Giá trị cơ sở: 560.19
Hình thức tính: Chỉ số giá và Chỉ số tổng thu nhập
Tần suất tính:
- **VNSmallcap:** Theo thời gian thực (5 giây/ lần)
- **VNSmallcapTRI:** Cuối ngày giao dịch (1 ngày/lần)

Giới hạn tỷ trọng vốn hóa: 10%
Phương pháp tính: Giá trị vốn hóa thị trường điều chỉnh free-float.
Đơn vị tiền tệ: VND

Tăng trưởng chỉ số từ 31/10/2017 đến 30/10/2020

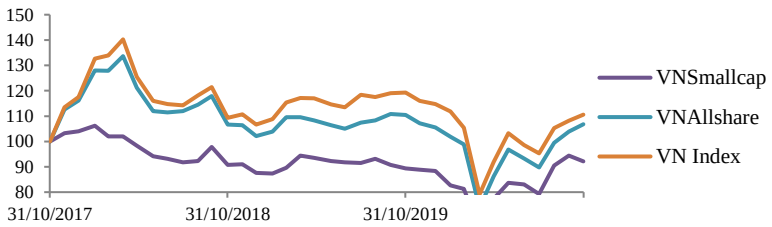

* Các chỉ số trên được giả lập tái cơ sở thành 100 vào thời điểm 31/10/2017

Độ biến động chỉ số

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	6.47%	13.49%	19.91%	25.02%	29.27%

Độ tương quan chỉ số với VN Index

	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	5 năm
VNSmallcap	66.36%	83.67%	84.08%	77.62%	74.52%

Tăng trưởng chỉ số

	Tăng trưởng (%)									Tăng trưởng bình quân năm (%)	
	2017	**2018**	**2019**	**1 tháng**	**3 tháng**	**6 tháng**	**1 năm**	**3 năm**	**5 năm**	**3 năm**	**5 năm**
VNSmallcap	22.54%	-15.81%	0.93%	-2.35%	16.29%	19.14%	3.20%	-7.84%	17.96%	-2.69%	3.36%

Tỷ trọng vốn hóa thị trường theo ngành

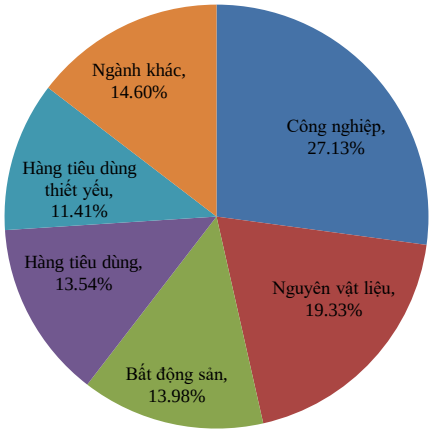

10 công ty đứng đầu theo vốn hóa thị trường

	Cổ phiếu	Ngành	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
1	DBC	Hàng tiêu dùng thiết yếu	3,076	5.51%
2	VSC	Công nghiệp	1,921	3.44%
3	GAB	Nguyên vật liệu	1,720	3.08%
4	SVC	Hàng tiêu dùng	1,499	2.68%
5	DGW	Công nghệ thông tin	1,148	2.06%
6	HDC	Bất động sản	1,044	1.87%
7	FIT	Tài chính	1,025	1.84%
8	SVI	Nguyên vật liệu	975	1.75%
9	SZC	Công nghiệp	930	1.67%
10	NKG	Nguyên vật liệu	917	1.64%
		Tổng cộng	**14,255**	**25.53%**

5 ngành đứng đầu theo vốn hóa thị trường

Ngành	Số lượng công ty	GTVH điều chỉnh free-float (Tỷ đồng)	Tỷ trọng
Công nghiệp	45	15,148	27.13%
Nguyên vật liệu	29	10,791	19.33%
Bất động sản	19	7,803	13.98%
Hàng tiêu dùng	21	7,561	13.54%
Hàng tiêu dùng thiết yếu	13	6,373	11.41%

Lưu ý:
"**VN30**", "**VNMidcap**", "**VNSmallCap**", "**VN100**", "**VNAllshare**" và "**VNAllshare Sector**" (gọi chung là "**HOSE-Index**") là thương hiệu đã được đăng ký, thuộc sở hữu độc quyền của Sở GDCK Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Chỉ khi có sự chấp thuận của HOSE thì Bộ chỉ số HOSE-Index mới có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm liên quan như quỹ đầu tư theo chỉ số, sản phẩm phái sinh, … . Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ qua e-mail: *index@hsx.vn*
Bản công bố này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin. HOSE đã nỗ lực hết mức có thể để cung cấp thông tin chính xác, tuy nhiên sẽ không có nghĩa vụ pháp lý hoặc trách nhiệm nào cho HOSE cũng như ban giám đốc, cán bộ, nhân viên, đối tác hoặc người nhượng quyền của HOSE liên quan đến sai sót hoặc tổn thất gây ra bởi việc sử dụng bất kỳ thông tin hoặc dữ liệu nào thuộc công bố này.

Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh
Số 16 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 3821.7713 - Fax: (84.8) 3821.7452
Website: www.hsx.vn

Sơ lược Quy tắc bộ chỉ số HOSE-Index

Tiêu chí sàng lọc:

1. Tư cách:

- Cổ phiếu có thời gian niêm yết trên HOSE tối thiểu 6 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.
- Cổ phiếu không thuộc diện bị cảnh báo do vi phạm công bố thông tin, kiểm soát, kiểm soát đặc biệt, tạm ngừng giao dịch (ngoại trừ tạm ngừng giao dịch do thực hiện việc tách/gộp cổ phiếu hoặc chia tách/sáp nhập) trong vòng 03 tháng tính đến ngày chốt dữ liệu xem xét.

2. Tỷ lệ tự do chuyển nhượng (Free-float): Cổ phiếu phải có tỷ lệ free-float cao hơn 10%.

3. Thanh khoản: Cổ phiếu phải có tỷ suất quay vòng chứng khoán tối thiểu là 0.05%.

Phương pháp chọn cổ phiếu vào rổ chỉ số:

1. VNAllshare: Bao gồm tất cả các cổ phiếu đáp ứng các tiêu chí sàng lọc.

2. VN30:

- **Tư cách tham gia vào VN30:** Thuộc tập hợp top 90% Giá trị giao dịch tích lũy của rổ VNAllshare và không thuộc diện bị cảnh báo.
- 20 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào VN30. 10 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 21 đến 40 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VN30 kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

3. VNMidcap:

- Từ các cổ phiếu của VNAllshare không bao gồm 30 cổ phiếu của VN30, 40 cổ phiếu lớn nhất theo Giá trị vốn hóa thị trường sẽ được chọn vào rổ VNMidcap.
- 30 cổ phiếu tiếp theo sẽ được chọn từ các cổ phiếu xếp hạng từ 41 đến 80 theo Giá trị vốn hóa thị trường, các cổ phiếu đã có trong rổ VNMidcap kỳ trước sẽ được ưu tiên chọn trước.

4. VN100: Bao gồm các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN30 và VNMidcap.

5. VNSmallcap: Bao gồm các cổ phiếu còn lại của VNAllshare sau khi loại trừ các cổ phiếu thành phần của chỉ số VN100.

Chuẩn phân ngành GICS®

GICS® (Global Industry Classification Standard) là chuẩn phân ngành dành cho thị trường chứng khoán do S&P kết hợp với MSCI xây dựng. Thông tin về chuẩn phân ngành GICS® được MSCI và S&P chịu trách nhiệm quản lý và công bố.

Các cổ phiếu niêm yết trên HOSE được MSCI và S&P trực tiếp phân ngành và thông tin phân ngành được cập nhật tại trang chủ của HOSE : www.hsx.vn.

Việc xem xét và cập nhật phân ngành cho các cổ phiếu thành phần của Bộ chỉ số ngành sẽ được thực hiện định kì 06 tháng/lần vào cùng ngày chốt dữ liệu xem xét định kỳ chỉ số.